

Số: 528 /TB-ĐHLN-ĐT

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2020

## THÔNG BÁO

### V/v tuyển sinh đại học hình thức đào tạo chính quy, vừa làm vừa học năm 2020

Thực hiện kế hoạch tuyển sinh năm 2020, Trường Đại học Lâm nghiệp thông báo tuyển sinh hình thức đào tạo chính quy, vừa làm vừa học đối với các hệ đại học, văn bằng 2 đại học, liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học năm 2020 tại Cơ sở của Trường Đại học Lâm nghiệp tại Tây Nguyên, như sau:

#### 1. Các ngành học và chỉ tiêu tuyển sinh các hệ đào tạo

Các ngành học bậc đại học và chỉ tiêu tuyển sinh các hệ đào tạo chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

#### 2. Đối tượng tuyển sinh

- **Bậc đại học:** Thí sinh đã tốt nghiệp bậc Trung học phổ thông (THPT) và tương đương.

- **Liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học:** Thí sinh tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp chưa có bằng THPT phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Văn bằng 2:** Thí sinh đã tốt nghiệp đại học.

#### 3. Phương thức xét tuyển và thời gian xét tuyển

##### 3.1. Bậc đại học

a. *Phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển*

Trường ĐHLN xét tuyển bậc đại học theo 02 phương thức sau:

- Phương thức 1: Sử dụng điểm kỳ thi THPT Quốc gia năm 2020 để xét tuyển. Thí sinh nộp hồ sơ theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Phương thức 2: Sử dụng kết quả học tập lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 để xét tuyển.

b. *Thời gian xét tuyển*

- Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2020: xét tuyển từ tháng 8 - 12/2020 theo lịch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2020: xét tuyển từ tháng 6 - 12/2020.

- Kế hoạch xét tuyển sinh từng đợt: xem chi tiết tại website: <http://vnuf3.edu.vn> hoặc <http://vnuf.edu.vn> mục TUYỂN SINH.

##### 3.2. Liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học

a. *Phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển*

Trường Đại học Lâm nghiệp tuyển sinh theo phương thức xét kết quả học tập lớp 10, 11 và lớp 12 hoặc dựa trên kết quả học tập bậc trung cấp, cao đẳng.

*b. Thời gian xét tuyển sinh*

Trường Đại học Lâm nghiệp xét tuyển liên tục mỗi 01 đợt/tháng, cụ thể:

- Thời gian nhận hồ sơ từ ngày 01- 25 hàng tháng.
- Công bố kết quả xét tuyển: trước ngày 25 hàng tháng.
- Thời gian nhập học: 10 ngày sau khi công bố kết quả xét tuyển.

**3.3. Văn bằng 2 đại học**

*a. Phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển*

Trường Đại học Lâm nghiệp tuyển sinh theo phương thức xét kết quả học tập lớp 10, 11 và lớp 12 hoặc dựa trên kết quả học tập bậc đại học.

*b. Thời gian xét tuyển sinh*

Trường Đại học Lâm nghiệp xét tuyển liên tục mỗi 01 đợt/tháng, cụ thể:

- Thời gian nhận hồ sơ từ ngày 01- 25 hàng tháng.
- Công bố kết quả xét tuyển: trước ngày 25 hàng tháng.
- Thời gian nhập học: 10 ngày sau khi công bố kết quả xét tuyển.

**4. Lệ phí xét tuyển và địa điểm nộp hồ sơ**

- Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng/ hồ sơ.

- Mẫu hồ sơ xét tuyển: đăng trên website: <http://vnuf3.edu.vn> hoặc <http://vnuf.edu.vn> mục TUYỂN SINH.

- Địa điểm nộp hồ sơ: Cơ sở của Trường Đại học Lâm nghiệp tại Tây Nguyên (nguyên là Trường Trung cấp Lâm nghiệp Tây Nguyên).

**5. Thông tin liên hệ**

- Phòng Đào tạo, Cơ sở của Trường Đại học Lâm nghiệp tại Tây Nguyên, Tổ 4, Phường Chi Lăng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai. Điện thoại 02693.747706.

- Phòng Đào tạo, Trường Đại học Lâm nghiệp, Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội. Điện thoại: 02433.840440; 02433.840707.

**Nơi nhận:**

- Hiệu trưởng;
- Chủ tịch Hội đồng trường;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Cơ sở của Trường tại Tây Nguyên;
- Trường các đơn vị có liên quan;
- Các đơn vị liên kết đào tạo;
- Lưu: VT, ĐT.



**GS.TS. Trần Văn Chứ**

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

PHỤ LỤC. CÁC NGÀNH HỌC VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2020

TT	Khối ngành/Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		
			Đại học	Liên thông	Văn bằng 2
<b>I.</b>	<b>Khối ngành Kinh tế và Xã hội nhân văn</b>				
1.	Kế toán	7340301	50	50	50
2.	Quản trị kinh doanh	7340101	50	50	x
3.	Kinh tế	7310101	50	50	x
4.	Kinh tế Nông nghiệp	7620115	50	50	x
5.	Công tác xã hội	7760101	50	50	x
6.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	50	50	x
7.	Bất động sản	7340116	50		
<b>II.</b>	<b>Khối ngành Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng</b>				
8.	Công nghệ sinh học	7420201	50	50	x
9.	Chăn nuôi (Chuyên ngành chăn nuôi - Thú y)	7620105	50	x	x
10.	Thú y	7640101	50	50	x
11.	Bảo vệ thực vật	7620112	50	50	x
12.	Khoa học cây trồng (Nông học, trồng trọt)	7620110	50	50	x
13.	Khuyến nông (Phát triển nông nghiệp, nông thôn)	7620102	50	50	x
<b>III.</b>	<b>Khối ngành Tài nguyên, Môi trường và Du lịch sinh thái</b>				
14.	Quản lý tài nguyên thiên nhiên (Đào tạo bằng TV)	7908532	50	50	x
15.	Quản lý tài nguyên và Môi trường	7850101	50	50	x
16.	Khoa học môi trường	7440301	50	50	50
17.	Quản lý đất đai	7850103	50	50	50
18.	Du lịch sinh thái	7850104	50	x	x
<b>IV.</b>	<b>Khối ngành Lâm nghiệp</b>				
19.	Quản lý tài nguyên rừng (Kiểm lâm)	7620211	70	70	50
20.	Lâm học (Lâm nghiệp)	7620201	50	50	x
21.	Lâm sinh	7620205	50	50	50
<b>V.</b>	<b>Khối ngành Công nghệ, kỹ thuật và Công nghệ thông tin</b>				
22.	Hệ thống thông tin (Công nghệ thông tin)	7480104	50	50	x
23.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	50	50	x
24.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	50	50	x
25.	Kỹ thuật cơ khí (Công nghệ chế tạo máy)	7520103	50	50	x
26.	Kỹ thuật xây dựng (Kỹ thuật công trình xây dựng)	7580201	50	50	x
27.	Công nghệ sau thu hoạch	7540104	50	50	x
<b>VI.</b>	<b>Nhóm ngành CN chế biến lâm sản và Thiết kế nội thất</b>				
28.	Công nghệ chế biến lâm sản (Công nghệ gỗ và quản lý SX)	7549001	50	50	50
29.	Thiết kế nội thất	7580108	50	50	x
<b>VII.</b>	<b>Khối ngành Kiến trúc và Cảnh quan</b>				
30.	Lâm nghiệp đô thị (Cây xanh đô thị)	7620202	50	50	x
31.	Kiến trúc cảnh quan	7580102	50	50	x